TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2023
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh
2. Ông Lương Phi Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký viên Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức:*** Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 283/2022/TLST- HNGĐ, ngày 03/10/2022 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về "*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 24/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1988. Nơi cư trú: tổ 8, khóm Long HII, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lâm Bảo Q, sinh năm 1988. Nơi cư trú: tổ 2, ấp Long H1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải không được chị Trần Thị Mỹ L có lời trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên anh chị trước đây có tìm hiểu với nhau và được cha mẹ hai bên đồng ý chung sống với nhau vào năm 2005, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang theo quy định vào ngày 17/5/2017. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do: vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống,

thường xuyên cự cãi nhau, thời gian mẹ ruột chị cùng sống chung với vợ chồng thì phía anh Q không đồng ý để mẹ ruột chung sống, thường cự cãi nhau thì kiếm chuyện đuổi chị về nhà không cho lấy bất cứ cái gì trong nhà đem đi hết, sự việc cự cãi nhau do anh Q nói như vậy; anh Q thường đòi mua sắm đồ trả góp chứ không có tiền mặt trả ngay nên sợ anh Q gây nợ, nhiều lần cự cãi nhau thì anh Q dùng dao dọa chém chị; cũng nghe nói anh Q quan hệ bất chính với người phụ nữ khác do vì con chung nên không muốn làm lớn chuyện, từ khi mẹ ruột chết cho đến nay chị không thể chấp nhận sống lâu dài với anh Q được nữa và sống ly thân từ năm 2019 bên gia đình cha, mẹ ruột cho đến nay không chung sống với anh Q, nhận thấy tình cảm anh chị không thể hàn gắn lại với nhau được nữa. Nay chị cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên Lâm Bảo H, sinh ngày 11/01/2006 hiện đang sống với anh Q. Chị Trần Thị Mỹ L đồng ý giao con chung cho anh Q được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành và không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và phải trả: chị khai không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Bị đơn anh Lâm Bảo Q vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử nên không có lời trình bày.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Lâm Bảo Q được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Q vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị L và anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân thời gian dài không hàn gắn được phù hợp với xác nhận của bà Thái Thị B là mẹ ruột của anh Q nên yêu cầu của chị Mỹ L về xin ly hôn là có căn cứ pháp luật. Về con chung 01 người con chung tên Lâm Bảo H, sinh ngày 11/01/2006 hiện đang sống với anh Q cần ổn định cuộc sống cho cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu giao con chung cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng theo sự tự nguyện của chị Mỹ L. Chị L chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Mỹ L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về "*ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lâm Bảo Q, sinh năm 1988. Nơi cư trú: tổ 2, ấp Long H1, xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Lâm Bảo Q được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lâm Bảo Q.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Lâm Bảo Q có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 31/2017, ngày 17/5/2017 do UBND xã LH, huyện PT, tỉnh An Giang cấp cho anh chị) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập từ năm 2005 trên cơ sở tìm hiểu nhau tiến tới hôn nhân, thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, lý do thường xuyên cự cãi nhau về đời sống hằng ngày; bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt gia đình; nhiều lần cự cãi nhau thì anh Q dùng dao dọa chém chị và cũng nghe nói anh Q có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Từ những lý do trên chị bỏ về nhà cha, mẹ ruột không còn chung sống với nhau nữa nên anh chị đã chính thức ly thân từ năm 2019 cho đến nay; thời gian ly thân anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời từ khi ly thân cho đến nay, cũng như từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của chị Mỹ L phía anh Q biết nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm; không còn quan tâm về hôn nhân này, cũng phù hợp với xác nhận của bà Thái Thị B là mẹ ruột của anh Q nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Mỹ L xác nhận có 01 người con chung tên Lâm Bảo H, sinh ngày 11/01/2006 hiện đang sống với anh Q. Chị Trần Thị Mỹ L đồng ý giao con chung cho anh Q được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành và không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Từ khi ly thân cho đến nay cháu H chung sống với anh Q được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định và ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác; anh Q cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Từ đó, xét thấy hoàn cảnh và điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chưa thành niên của anh Q là đảm bảo theo xác nhận của bà Thái Thị B là mẹ ruột của anh Q, cần giữ ổn định cuộc sống cho cháu H và phù hợp với nguyện vọng của cháu H là nguyện vọng sống với anh Q nên HĐXX chấp nhận yêu cầu chị Mỹ L tự nguyện giao cho anh Q nuôi dưỡng 01 người con chung đến thành niên hoặc tự lập được theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con chung thời gian sau này mà anh Q nuôi dưỡng không đảm bảo thì anh Q có quyền yêu cầu Tòa án về mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định đối với chị Mỹ L.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: chị Trần Thị Mỹ L khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ, chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: chị Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: chị Trần Thị Mỹ L và anh Lâm Bảo Q có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ L đối với anh Lâm Bảo Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Lâm Bảo Q.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao người con chung tên Lâm Bảo H, sinh ngày 11/01/2006 cho anh Lâm Bảo Q được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên và tự lập được. Chị Trần Thị Mỹ L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

2.2 Anh Lâm Bảo Q trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Trần Thị Mỹ L đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do chị Trần Thị Mỹ L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005447, ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2 Anh Lâm Bảo Q không phải chịu án phí.

Chị Trần Thị Mỹ L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lâm Bảo Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thành Thuận